TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2022
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đặng Xuân Bộ**
Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**
Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Trọng Tấn** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1984;
ĐKHKTT: Khu 3, thị trấn TT, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
Chỗ ở: Khu 2, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Phí Văn A**, sinh năm 1981;
ĐKHKTT: Khu 3, thị trấn TT, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phí Văn A kết hôn với nhau ngày 13/9/2005. Việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L (nay là thị trấn Thanh Thuỷ), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống với nhau. Cuộc sống vợ chồng mới đầu hạnh phúc. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hiểu nhau và không có chung quan điểm sống. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị P đề nghị ly hôn anh Phí Văn A.

Về con chung: Chị xác định chị và anh A có 02 con chung là cháu Phí Đức T, sinh ngày 13/12/2006 (hiện đang ở cùng anh A) và cháu Phí Thị Ngọc H, sinh ngày 15/3/2011 (hiện đang ở cùng chị). Ly hôn, chị P đề nghị: Anh A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T kể từ khi anh, chị kết thúc quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu T thành niên và chị P được quyền

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H kể từ khi anh, chị kết thúc quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu H thành niên. Chị P và anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, tài sản cho vay: Chị P không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Chị P xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn là anh Phí Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn như chị P đã trình bày. Tuy nhiên, anh A cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau ban đầu hoà hợp hạnh phúc, tuy nhiên đến nay phát sinh mâu thuẫn vì lí do kinh tế vợ chồng làm ăn khó khăn. Nay chị P đề nghị ly hôn, anh không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, chỉ vì lý do kinh tế mà ly hôn là không hợp lý. Anh sẽ động viên chị P cố gắng suy nghĩ lại và cùng nhau làm ăn.

Về con chung: Anh cũng xác định, anh và chị P có 02 con chung là cháu Phí Đức T, sinh ngày 13/12/2006 (hiện đang ở cùng anh) và cháu Phí Thị Ngọc H, sinh ngày 15/3/2011 (hiện đang ở cùng chị P). Nếu buộc phải ly hôn thì anh đồng ý với quan điểm của chị P là anh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T kể từ khi anh, chị kết thúc quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu T thành niên và chị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H kể từ khi anh, chị kết thúc quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu H thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, tài sản cho vay: Anh A không đề nghị giải quyết.

**Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, xác định:* Anh A và chị P đăng ký kết hôn với nhau ngày 13/9/2005 tại UBND xã L (nay là thị trấn Thanh Thuỷ), huyện Thanh Thủy. Vợ chồng anh A, chị P có 02 con chung là cháu Phí Đức T, sinh ngày 13/12/2006 và cháu Phí Thị Ngọc H, sinh ngày 15/3/2011. Sau khi kết hôn, chị P chuyển về ở chung với anh A. Quá trình vợ chồng chung sống giữa anh A và chị P: Ban đầu thì hạnh phúc nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn nên đã từng gửi đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện chị P đã đưa cháu H về nhà bố mẹ đẻ của chị để ở tại Khu 2, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Còn anh A, cháu T vẫn ở Khu 3, thị trấn Thanh Thuỷ, huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, nhất là bảo đảm quyền lợi đối với phụ nữ và trẻ em.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa:

***- Về thủ tục tố tụng:** Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.*

***- Về nội dung vụ án**: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị P, xử cho chị P được ly hôn anh A.*

Về con chung: Giao cháu Phí Đức T, sinh ngày 13/12/2006 cho anh A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu cháu Phí Thị Ngọc H, sinh ngày 15/3/2011 cho chị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử(HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đều đang cư trú tại huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, do đó Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn được tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, được trình bày quan điểm tại Tòa án.

Chị P có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt; căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Chị P kết hôn với anh A vào ngày 13/9/2005 việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã L (nay là thị trấn TT), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị P, anh A xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã sống ly thân, không còn thực tế chung sống, chị P đã về sinh sống với bố mẹ đẻ tại Khu 2, xã Đ, huyện Thanh Thủy. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh A.

Quá trình giải quyết anh A cho rằng: Mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa hợp hạnh phúc, tuy nhiên đến nay phát sinh mâu thuẫn vì lý do kinh tế, vợ chồng làm ăn khó khăn. Nay chị P đề nghị ly hôn, anh không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, chỉ vì lý do kinh tế mà ly hôn là không hợp lý. Anh sẽ động viên chị P cố gắng suy nghĩ lại và cùng nhau làm ăn.

Chính quyền địa phương xác định: Chị P và anh A có mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân không còn chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự và bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ, trẻ em.

HĐXX nhận thấy: Năm 2020, chị P đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh A nhưng sau đó chị P rút đơn khởi kiện để anh chị có thêm thời gian hàn gắn tình cảm, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án tại Quyết định đình chỉ số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2020. Tuy nhiên đến nay chị P lại đề nghị được ly hôn anh A. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị P và anh A đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đã sống ly thân, không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị P, xử cho chị được ly hôn anh A là phù hợp, tránh ràng buộc không có lợi.

[2]Về con chung: Chị P và anh A có 02 con chung là cháu Phí Đức T, sinh ngày 13/12/2006 và cháu Phí Thị Ngọc H, sinh ngày 15/3/2011 Hiện cháu T đang ở cùng anh A còn cháu H đang ở cùng chị P. Ly hôn, chị P đề nghị được quyền trực tiếp nuôi cháu H, anh A được quyền trực tiếp nuôi cháu T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Còn anh A cho rằng: Nếu ly hôn thì anh đồng ý với quan điểm của chị P là anh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi cháu T thành niên và chị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi cháu H thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Xét thấy, các cháu đang có chỗ ở ổn định, hiện cháu T đang sống cùng anh A và có nguyện vọng ở với bố, cháu H đang sống cùng chị P và có nguyện vọng ở với mẹ. Anh A, chị P đều có thu nhập và có khả năng chăm sóc cho con. Do đó HĐXX thấy cần giao cháu T cho anh A; giao cháu H cho chị P; trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo cuộc sống ổn định tránh thay đổi không có lợi với các cháu.

[3]Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị P không yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4]Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5,Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Phí Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Phí Đức T, sinh ngày 13/12/2006 cho anh Phí Văn A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 7/2022 cho tới khi cháu T thành niên. Giao cháu cháu Phí Thị Ngọc H, sinh ngày 15/3/2011 cho chị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 7/2022 cho tới khi cháu H thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0005988 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm

yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn TT (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đặng Xuân Bộ